

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2520/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 01 tháng 9 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH****Về một số chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên trọng tài và công tác tổ chức các giải thể thao****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ***Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;**Căn cứ Quyết định số 234/2006/QĐ/TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ với huấn luyện viên, vận động viên thể thao;**Căn cứ Thông tư liên tịch số 34/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH-UBTDTT ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh Xã hội và Ủy ban thể dục thể thao hướng dẫn thực hiện Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ với huấn luyện viên, vận động viên thể thao;**Căn cứ Thông tư liên tịch số 127/2008/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 24/12/2008 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù với vận động viên, huấn luyện viên thể thao;**Căn cứ Thông tư số 79/2005/TT-BTC ngày 15/9/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Nhà nước;**Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2009/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 12/01/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;**Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 975/TTr-STC ngày 17/6/2009,***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập luyện, đào tạo tập trung, tập huấn và tham gia thi đấu các giải thể thao:**1. Chế độ đối với vận động viên thuộc tỉnh quản lý:****a) Trong thời gian tập luyện, đào tạo tập trung**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Đối tượng được hưởng	Tổng số tiền 01 người/ ngày	Trong đó	
			Tiền ăn, nước uống, thuốc phòng	Tiền công
1	Đội tuyển tỉnh	70	50	20
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	60	45	15
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	50	40	10
4	Đội tuyển cấp huyện	40	-	-
5	Đội tuyển trẻ năng khiếu cấp huyện	30	-	-

**b) Trong thời gian tập huấn và tham gia thi đấu các giải thể thao:**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

Số TT	Đối tượng được hưởng	Tổng số tiền 01 người/ 1ngày	Trong đó	
			Tiền ăn, nước uống, thuốc phòng	Tiền công
1	Đội tuyển tỉnh	120	80	40
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	100	70	30
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	85	65	20
4	Đội tuyển cấp huyện	60	60	-
5	Đội tuyển trẻ năng khiếu cấp huyện	50	50	-

- Đối với vận động viên thuộc tỉnh quản lý (hưởng lương từ ngân sách Nhà nước) trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, nếu có mức lương thấp hơn mức tiền quy định trên đây thì được cơ quan sử dụng chi trả chênh lệch để đảm bảo bằng các mức quy định tương ứng. Đối với vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, thì được hưởng chế độ tại khoản 1 Điều này.

**c) Vận động viên không thuộc tỉnh quản lý:** Nếu được ký hợp đồng tham gia thi đấu trong đoàn vận động viên của tỉnh tại các giải thể thao do Trung ương tổ chức thì được hưởng chế độ theo thỏa thuận với cơ quan ký hợp đồng. Mức chi chế độ tối đa không quá 02 lần chế độ vận động viên đội tuyển tỉnh được hưởng trong thời gian tập huấn và thi đấu giải.

Trường hợp đặc biệt, cần chi chế độ cao hơn thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**2. Chế độ đối với huấn luyện viên trong thời gian huấn luyện vận động viên tập huấn, đào tạo tập trung, tập huấn và tham gia các giải thể thao:**

**a) Huấn luyện viên không thuộc tỉnh trực tiếp quản lý:** Nếu được ký hợp đồng để huấn luyện cho vận động viên của tỉnh trong thời gian tập huấn và thi đấu các giải thể thao do Trung ương tổ chức thì được hưởng chế độ theo thỏa thuận với cơ quan ký hợp đồng.

Mức chi: Tiền ăn, thuốc phòng, nước uống (trừ tiền công) như vận động viên cùng cấp theo thời gian thực tế;

Mức chi tiền công huấn luyện viên đội tuyển tỉnh tối đa: 75.000 đồng/người/ngày, đội tuyển trẻ tỉnh và đội tuyển năng khiếu tỉnh tối đa: 55.000 đồng/người/ngày. Trường hợp đặc biệt, cần chi chế độ cao hơn thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**b) Huấn luyện viên thuộc tỉnh trực tiếp quản lý:** Huấn luyện đội tuyển cấp huyện và tỉnh được hưởng các chế độ: tiền ăn, thuốc phòng, nước uống (trừ tiền công) như vận động viên cùng cấp theo thời gian huấn luyện thực tế. Trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, nếu có mức tiền lương thấp hơn mức tiền công quy định tại khoản a, mức 2, Điều 1 Quyết định này thì được chi trả phần chênh lệch để đảm bảo bằng các mức quy định tương ứng.

**3. Quy định các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ trợ cấp đối với các huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh (Thực hiện theo Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ)**

**4. Ngoài các chế độ trên, trong thời gian tham gia đào tạo tập trung, tập huấn, thi đấu huấn luyện viên, vận động viên được hưởng chế độ tiền ở như sau:**

**a) Tập huấn, thi đấu ngoài tỉnh được hưởng chế độ tiền ở như sau:**

- Tại các thành phố trực thuộc Trung ương, mức thanh toán tiền thuê ở tối đa không quá 100.000đồng/người/ngày đêm.

- Các tỉnh, thành khác mức thanh toán tiền thuê ở tối đa không quá 90.000đồng/người/ngày đêm.

**b) Tập huấn, thi đấu** trong tỉnh được hưởng chế độ tiền ở tối đa không quá 60.000đồng/người/ngày.

**c) Đào tạo tập trung:** Về nguyên tắc cơ sở huấn luyện đào tạo phải bố trí chỗ ở cho vận động viên, không được thuê chỗ ở. Trường hợp đặc biệt không thể bố trí được chỗ ở cho vận động viên thì được xem xét và được phép chi tối đa không quá 20.000đồng/người/ngày đêm.

**d) Trường hợp đặc biệt** phải chi mức tiền ở cao hơn mức chi này thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 2. Chế độ thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu:**

**1. Mức thưởng thành tích cá nhân:**

**a) Các giải thể thao hàng năm:***Đơn vị tính: 1.000đồng*

Thành tích	Cấp huyện, ngành	Cấp tỉnh
Giải nhất	300	400
Giải nhì	200	300
Giải ba	150	250

**b) Đại hội thể dục thể thao và Hội khoẻ Phù Đổng cấp huyện:**

Thành tích	Đại hội thể dục - thể thao	Hội khoẻ Phù Đổng
Phá kỷ lục	600	500
Huy chương vàng	500	400
Huy chương bạc	400	300
Huy chương đồng	300	200

**c) Đại hội thể dục thể thao và Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh***Đơn vị tính: 1.000 đồng*

Thành tích	Đại hội thể dục - thể thao	Hội khoẻ Phù Đổng
Phá kỷ lục	1.200	700
Huy chương vàng	700	500
Huy chương bạc	500	400
Huy chương đồng	400	300

**2. Mức khen thưởng đối với môn thể thao tập thể và các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội** (bao gồm các môn thể thao tập thể và giải đồng đội theo quy định của điều lệ giải):

**a) Đối với môn thể thao tập thể**, mức thưởng chung bằng số lượng người tham gia môn thể thao tập thể (số vận động viên tham gia thi đấu tại giải) nhân với mức thưởng tương ứng.

**b) Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội** (mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng với thành tích đạt được.

**Điều 3. Chế độ khen thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích tại các giải thể thao toàn quốc** (do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các liên đoàn thể thao quốc gia tổ chức).

### **1. Chế độ khen thưởng đối với vận động viên:**

**a) Vận động viên phá kỷ lục quốc gia** được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch và các liên đoàn thể thao quốc gia công nhận, được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen thưởng kèm theo tiền thưởng 5.000.000 đồng.

**b) Vận động viên lập thành tích** tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia hoặc Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và thưởng bằng tiền với mức như sau:

- Huy chương vàng: 4.000.000 đồng.

- Huy chương bạc: 3.000.000 đồng.

- Huy chương đồng 2.000.000 đồng.

**c) Vận động viên lập thành tích** tại các cuộc thi đấu vô địch trẻ quốc gia, Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và thưởng bằng tiền với mức như sau:

- Vận động viên đến dưới 12 tuổi: Mức thưởng tối đa bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản b, mục 1, Điều 3 Quyết định này.

- Vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: Mức thưởng tối đa bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản b, mục 1, Điều 3 Quyết định này.

- Vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: Mức thưởng tối đa bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản b, mục 1, Điều 3 Quyết định này.

- Giải thể thao vô địch trẻ quốc gia dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: Mức thưởng tối đa bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản b, mục 1, Điều 3 Quyết định này.

**d) Vận động viên lập thành tích** tại các cuộc thi đấu cúp quốc gia, giải thể thao quần chúng, giải mở rộng: Mức thưởng tối đa bằng 50% mức thưởng quy định tại khoản b, mục 1, Điều 3 Quyết định này.

**e) Mức khen thưởng đối với môn thể thao tập thể** và các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (bao gồm các môn thể thao tập thể và giải đồng đội theo quy định của điều lệ giải), được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và mức thưởng được quy định: Cách tính thưởng như mục 2, Điều 2 Quyết định này và mức thưởng tương ứng theo khoản a, b, c và d mục 1, Điều 3 Quyết định này.

### **2. Chế độ khen thưởng đối với huấn luyện viên:**

Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động hoặc đội tuyển thi đấu lập thành tích tại các giải toàn quốc được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và thưởng bằng tiền với mức như sau:

**a) Đối với thi đấu cá nhân:** Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích thi được thưởng bằng mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải (nếu vận động viên đạt 01 huy chương). Trường hợp có nhiều vận động viên đạt huy chương hoặc

một vận động viên đạt nhiều huy chương, thì huấn luyện viên được thưởng bằng 1,5 lần giá trị thưởng của 01 huy chương cao nhất.

**b) Đối với thi đấu tập thể:** Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải.

Số lượng huấn luyện viên của các đối tượng được xét thưởng theo quy định sau;

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 2 đến 5 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

**c) Đối với môn thể thao thi đấu đồng đội:** Mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số huấn luyện viên quy định tại khoản b, mục 2, Điều 3 Quyết định này nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

**Điều 4. Chế độ khen thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích các giải thi đấu quốc tế:**

**1. Vận động viên của tỉnh lập thành tích tại các giải thi đấu quốc tế:**

Giải vô địch trẻ Đông Nam Á, châu Á và thế giới được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và mức thưởng thực hiện bằng mức quy định tại khoản 1, Điều 3 Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

**2. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên của tỉnh,** trước khi tham gia đội tuyển quốc gia được thưởng 40% mức thưởng tương ứng đối với vận động viên quy định tại khoản 1, Điều 3 Quyết định số 234/ 2006/QĐ-TTg ngày 18/10 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Các mức thưởng trên không nằm trong mức thưởng theo quy định của giải thể thao do trung ương tổ chức và các giải thể thao quốc tế. Trường hợp đặc biệt, cần chi mức thưởng cao hơn cho vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích tại các giải thể thao toàn quốc, quốc tế thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

**Điều 5. Chế độ phụ cấp duy trì tập luyện thường xuyên đối với vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia (được Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch công nhận).**

1. Cấp kiện tương: 400.000đồng/tháng

2. Dự bị kiện tương và cấp I: 300.000đồng/tháng

3. Thời gian được hưởng phụ cấp là 12 tháng kể từ ngày được công nhận, vận động viên chuyển sang thi đấu cho tỉnh khác hoặc ngành khác thì không được hưởng phụ cấp trên.

**Điều 6. Chế độ đối với Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, trọng tài, lực lượng phục vụ tại các cuộc thi đấu, biểu diễn thể dục, thể thao cấp tỉnh và cấp huyện, ngành.**

**1. Cấp tỉnh:**

**a) Tiền ăn:** 50.000 đồng/người/ngày (bao gồm: Các buổi họp chuẩn bị công tác tổ chức, tập huấn trọng tài và thời gian diễn ra giải).

**b) Tiền thực hiện nhiệm vụ:**

- Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng, phó các Tiểu ban chuyên môn: 50.000 đồng/người/ngày.

- Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 40.000đồng/người/ngày.

- Giám sát, tổng trọng tài, phó tổng trọng tài, tổng thư ký, thư ký, trọng tài chính: 40.000đồng/người/buổi.

- Trọng tài khác: 30.000đồng/người/buổi.

- Bộ phận y tế: 25.000đồng/người/buổi.

- Lực lượng làm nhiệm vụ, an ninh, trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ: 25.000đồng/người/buổi.

## **2. Cấp huyện, ngành:**

**a) Tiền ăn:** 40.000đồng/người/ngày (bao gồm: Các buổi họp chuẩn bị công tác tổ chức, tập huấn trọng tài và thời gian diễn ra giải).

### **b) Tiền thực hiện nhiệm vụ:**

- Thành viên, Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn: 40.000đồng/người/ngày .

- Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 35.000đồng/người/ngày

- Giám sát, tổng trọng tài, phó tổng trọng tài, tổng thư ký, thư ký, trọng tài chính: 35.000đồng/người/buổi.

- Trọng tài khác: 30.000đồng/người/buổi.

- Bộ phận y tế, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ: 20.000đồng/người/buổi.

Đối tượng thuộc diện hưởng lương từ NSNN đã được đảm bảo chế độ tiền ăn sẽ không được thanh toán tiền lưu trú, công tác phí trong thời gian tham dự giải.

**Điều 7. Mức chi tổ chức đồng diễn, biểu diễn thể dục thể thao, diễu hành đối với các Đại hội TDTT, Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh và huyện đăng cai các giải thể thao khu vực và toàn quốc:**

1. Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: Thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức với các tổ chức, cá nhân.

2. Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, biểu diễn thể thao, diễu hành, xếp hình, xếp chữ:

### **a) Người tập:**

- Tập luyện: 10.000 - 15.000đồng/người/buổi.

- Tổng duyệt (tối đa 2 buổi): 15.000 - 20.000đồng/người/buổi.

- Chính thức: 30.000 - 50.000đồng/người/buổi.

**b) Giáo viên quản lý, hướng dẫn:** 20.000 - 40.000đồng/người/buổi.

**Điều 8.** Chế độ trang phục cho cán bộ nghiệp vụ thể dục thể thao, huấn luyện viên và vận động viên được trang bị như sau:

1. Đối với vận động viên:

- Quần áo dài thể thao (sản xuất tại Việt Nam): 2 bộ/người/năm.
- Quần áo cộc tay thể thao (sản xuất tại Việt Nam): 2 bộ/người/năm.
- Giấy ba ta (sản xuất tại Việt Nam): 3 đôi/người/năm.
- Bít tất (sản xuất tại Việt Nam): 3 đôi/người/năm.

5. Đối với cán bộ nghiệp vụ, huấn luyện viên tính bằng 1/2 mức của vận động viên.

**Điều 9.** Nguồn kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Quyết định này được cân đối trong dự toán chi cho hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm và các nguồn thu hợp pháp (*Nguồn thu bán vé xem thi đấu; nguồn thu tài trợ, quảng cáo; nguồn thu hợp pháp khác*). Cấp nào tổ chức các giải thi đấu thể thao thì ngân sách đó bố trí kinh phí để thực hiện.

Quyết định này không áp dụng đối với việc giảng dạy của giáo viên thể dục thể thao trong các trường phổ thông, chuyên nghiệp.

**Điều 10.** Quyết định này thay thế Quyết định số 2845/2003/QĐ-UB ngày 5/9/2002 và Quyết định 2177/2006/QĐ-UB ngày 31/7/2006 của UBND tỉnh Phú Thọ và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2010, riêng đối với chế độ tập luyện và thi đấu để tổ chức Đại hội thể dục thể thao lần thứ VI năm 2009 được áp dụng từ ngày 01/7/2009.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước tỉnh, UBND các huyện, thành, thị và các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Doãn Khánh (đã ký)**